

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DSST - ST
Ngày: 19 - 6 - 2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vinh và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-TCDS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-TCDS, ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị T - Phó trưởng Phòng quản lý rủi ro Ngân hàng T; địa chỉ: 332A Quang Trung, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng P, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1972 Cùng cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng P, sinh năm 1997 Nơi cư trú: thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng T trình bày:*

Ngày 22/11/2019, ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T đã ký với Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình - Phòng giao dịch Hòa Ninh, Hợp đồng tín dụng số 02/2019/10670061/HĐTD để vay số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay: 84 tháng; mục đích: Thanh toán tiền mua trang thiết bị gia đình. Ngày 22/11/2019, ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T đã rút vốn vay số tiền 680.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình, ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T đã sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, số vào sổ cấp GCN: 00109QSĐĐ/69/QĐ.UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/1/1999 cho hộ ông Hoàng P để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, cụ thể như sau:

+ Đối với Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302: theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10670061/HĐBĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 ký giữa ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T và anh Hoàng P với Phòng giao dịch Hòa Ninh - Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình để đảm bảo cho ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T vay vốn tại Ngân hàng, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Nhất Tín ngày 16/01/2018, số công chứng:350, Quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký thế chấp ngày 19/01/2018 tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B.

+ Đối với tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10670061/HĐTC ngày 18 tháng 01 năm 2018 ký giữa ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T và anh Hoàng P với Phòng giao dịch Hòa Ninh - Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình, đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 18/01/2018, số chứng thực: 10/2018, Quyền số 01/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14 tháng 07 năm 2023 ký giữa ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T với Phòng giao dịch Hòa Ninh - Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình để đảm bảo cho ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T vay vốn tại Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 29/02/2024, ông

Hoàng P và bà Hoàng Thị T đã trả nợ tổng số tiền 254.102.727 đồng (trong đó gốc 55.000.000 đồng; lãi 198.915.301 đồng; phí trả chậm 187.426 đồng). Từ ngày 16/01/2023, ông P, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình và để phát sinh nợ quá hạn. Vì vậy, để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đề nghị Tòa án nhân dân Thị xã B, tỉnh Quảng Bình buộc ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T thanh toán cho Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình toàn bộ số tiền tính đến ngày 19/6/2024 là 726.445.022 đồng (trong đó gốc 625.000.000 đồng; lãi trong hạn 97.702.055 đồng; phí chậm trả 3.742.967 đồng) và toàn bộ số tiền lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T với Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình cho đến ngày ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình, Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đề nghị Tòa án tuyên xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Trong quá trình tố tụng, bà Hoàng Thị T trình bày:

Ngày 22/11/2019, vợ chồng bà đã ký với Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình - Phòng giao dịch Hòa Ninh, Hợp đồng tín dụng số 02/2019/10670061/HĐTD để vay số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay là 84 tháng, mục đích để thanh toán tiền mua trang thiết bị gia đình.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình, vợ chồng bà đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, số vào sổ cấp GCN: 00109QSDĐ/69/QĐ.UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/01/1999 cho hộ ông Hoàng P để thế chấp cho Ngân hàng.

Trong quá trình vay vốn, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên hiện tại vợ chồng bà còn dư nợ tại Ngân hàng tính đến ngày 19/3/2024 là 710.632.449

đồng (trong đó gốc 625.000.000 đồng, lãi trong hạn 83.051.370 đồng, lãi chậm trả 2.581.079 đồng). Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến Tòa yêu cầu bà trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì bà xin Ngân hàng cho bà trả nợ gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình, thì bà cũng đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 123, 318, 319, 320, 408, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng P

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày xét xử (19/6/2024) là 726.445.022 đồng (trong đó: gốc 625.000.000 đồng; lãi trong hạn 97.702.055 đồng; phí chậm trả 3.742.967 đồng) và các khoản lãi, phí phạt phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T

Trường hợp ông P, bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10670061/HĐBĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10670061/HĐTC

ngày 18 tháng 01 năm 2018 đã ký kết để thu hồi nợ.

+ Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng T, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14/07/2023, do bị vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật và đối tượng không thể thực hiện được

+ Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định; hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng T khởi kiện ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T để yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Hiện tại, bà T, ông P đang cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng P vắng mặt nhưng ông P, bà T và anh P đã được triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Hoàng Phong, bà Hoàng Thị T và anh Hoàng P.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 02/2019/10670061/HĐTD ngày 22/11/2019, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông P, bà T vay số tiền là 680.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông P, bà T đã trả nợ tổng số tiền 254.102.727 đồng (trong đó gốc 55.000.000 đồng, lãi 198.915.301 đồng, phí trả chậm 187.426 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng ông P, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 19/6/2024, ông Ph, bà T còn dư

nợ tại Ngân hàng T tổng số tiền là 726.445.022 đồng (trong đó: gốc 625.000.000 đồng, lãi trong hạn 97.702.055 đồng, phí chậm trả 3.742.967 đồng). Do đó, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông Phong, bà Tình phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 19/6/2024 với tổng số tiền 726.445.022 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10670061/HĐBĐ ngày 16/01/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10670061/HĐTC ngày 18/01/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14/07/2023, ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T đã thế chấp thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền trên đất (hai ngôi nhà) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, sổ vào sổ cấp GCN: 00109QSDĐ/69/QĐ.UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/1/1999 cho hộ ông Hoàng P để thế chấp vay vốn tại Ngân hàng T. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả xác định: Hiện tại thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 có diện tích 183,1m² (tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 83,1m², phần đất tăng này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); trên thửa đất có 02 ngôi nhà (một ngôi nhà nằm trên diện tích đất 100m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích xây dựng là 80,58m² và một ngôi nhà nằm trên diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích xây dựng là 44m² nhưng ông P, bà T đã thế chấp ngôi nhà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho Ngân hàng). Việc ông P, bà T đã sử dụng ngôi nhà nằm trên diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích xây dựng là 44m² để thế chấp cho Ngân hàng để vay vốn là không đúng, vi phạm điều cấm của pháp luật nên đối tượng không thể thực hiện được. Do đó, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14/07/2023, được ký giữa ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T với Phòng giao dịch Hòa Ninh - Ngân hàng T - Chi nhánh Bắc Quảng Bình là vô hiệu do vi phạm điều cấm và đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại Điều 123 và Điều 408 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14 tháng 07 năm 2023 là không có cơ sở và không phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên không

được chấp nhận.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 238, tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình được cấp cho hộ gia đình ông Hoàng P. Sổ hộ khẩu hộ gia đình ông Hoàng P gồm có 05 thành viên gồm ông P, bà T và ba người con là Hoàng P, Hoàng Thị Hương Y và Hoàng Ngọc Bảo T. Tuy nhiên, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1999) hai con Hoàng Thị Hương Y (sinh năm 2004) và Hoàng Ngọc Bảo T (sinh năm 2017) chưa sinh. Do vậy, thửa đất trên không liên quan đến hai con Hoàng Thị Hương Y và Hoàng Ngọc Bảo T. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10670061/HĐBĐ ngày 16/01/ 2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10670061/HĐTC ngày 18/01/ 2018 được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp ông P, bà T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 238, diện tích 100m², tờ bản đồ số 04 tại thôn V, xã Q, thị xã B, Quảng Bình và tài sản gắn liền trên đất) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, sổ vào sổ cấp GCN: 00109QSDD/69/QĐ.UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/01/1999 cho hộ ông Hoàng P để thu hồi nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên Ngân hàng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng T đã nộp tạm ứng với số tiền 3.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên Ngân hàng T không phải nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T phải nộp toàn bộ chi phí này theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, buộc ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng T.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 119, 123, 299, 317, 319, 320, 323, 408, 463 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Tuyên xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng P

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 19/6/2024 là 726.445.022 đồng (trong đó: gốc 625.000.000 đồng đồng, lãi trong hạn 97.702.055 đồng, phí chậm trả 3.742.967 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (19/6/2024) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết”

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi toàn bộ nợ, cụ thể: Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 4, diện tích 100m², tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877302, số vào sổ cấp GCN:00109QSDĐ/69/QĐ.UB do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/1/1999 cho hộ ông Hoàng P và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà được xây dựng trên diện đất 100m², theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/10670061/HĐBĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017/10670061/HĐTC ngày 18 tháng 01 năm 2018 được ký giữa ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T và anh Hoàng P với Ngân hàng T để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì ông Hoàng P và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại

cho Ngân hàng.

Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng T, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/10670061/HĐBĐ ngày 14/07/2023, để thu hồi nợ

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 33.057.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 15.745.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003280 ngày 25/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho ngân hàng T.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng P, bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng T.

6. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà